UBND XÃ ĐẠI SƠN
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG BẢO TRỢ XÃ HỘI
THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ ĐẠI SƠN

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
	Tổng					**#VALUE!**
Trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng						***2,100,000***
1	Nguyễn Việt Anh	24/12/2010	Đông Phong	Trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha lẫn mẹ	1.5	1,050,000
2	Khương Tùng Dương	6/12/2010	Thượng Hải	Trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do không có cha, mồ côi mẹ	1.5	1,050,000
Người từ đủ 16 tuổi đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang đi học						***#VALUE!***
3	Đàm Đăng Cường	4/28/2009	Nghĩa Xá	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1,5	#VALUE!
4	Nguyễn Phương Thanh	21/9/2005	Đông Phong	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1.5	1,050,000
5	Trần Thị Ánh Hồng	07/8/2004	Đông Phong	Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi mẹ, bố đang trong thời gian chấp hành án phạt tù giam	1.5	1,050,000
6	Nguyễn Thu Giang	18/01/2008	Đông Phong	Người từ đủ 16 tuổi đến không quá 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha và mẹ nhưng đang đi học	1.5	1,050,000
Đơn thân nghèo nuôi con nhỏ						***700,000***
7	Nguyễn Thị Khe	14/04/1970	Liêu Xá	Người thuộc diện hộ nghèo chưa có chồng, đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ,ĐH: Nguyễn Đức Cường, sinh ngày: 22/11/2008	1.0	700,000
Đơn thân cận nghèo nuôi con nhỏ						***#VALUE!***
8	Trần Thị Mai	16/5/1982	Liêu Xá	Người thuộc diện hộ nghèo chưa có chồng, đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi: Trần Khánh Linh, sinh ngày: 24/7/2013	1.0	700,000
9	Tô Thị Nếp	5/11/1966	Mỗ Đoạn	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hóa: Tô Đức Tú, sinh ngày 10/10/2005	1.0	700,000
10	Tăng Thị Luyến	5/5/1975	Phương Quất	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi là: Tăng Thị Duyên, sinh ngày 21/9/2011	1.0	700,000
11	Phạm Thị Đức	06/03/1978	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo có chồng đã chết đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ, ĐH: Nguyễn Thị Minh Nhàn, sinh ngày 05/10/2008	1.0	700,000
12	Nguyễn Thị Lộc	19/11/1976	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi: Nguyễn Thị Thanh Xuân, sinh ngày 26/02/2006 đang đi học	1.0	700,000
13	Đoàn Thị Sen	25/11/1967	Xuân Nẻo	Người thuộc hộ cận nghèo có chồng đã chết đang nuôi 01 con dưới 16 tuổi là: Nguyễn Đoàn Hải Dương, sinh ngày 08/10/2010	1.0	700,000
14	Phạm Thị Dung	28/4/1984	Ô Mễ	Người thuộc diện hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con: Phạm Như Huy, sinh ngày 12/5/2014	1.0	700,000
15	Nguyễn Thị Hương	21/02/1975	Thượng Hải	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang học văn hoá, CĐ, ĐH: Nguyễn Quang Anh, sinh ngày: 20/10/2008	1.0	700,000
16	Nguyễn Thị Ty	4/25/1977	Thượng Hải	Người thuộc hộ cận nghèo chưa có chồng đang nuôi 01 con từ 16 đến 22 tuổi đang đi học: Phạm Trường Thi, sinh ngày 03/11/2005	1,0	#VALUE!
Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có quyền và nghĩa vụ phụng dưỡng						***2,450,000***
17	Nguyễn Thị Rộng	1/1/1940	Mỗ Đoạn	Người từ đủ 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng	2	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
18	Nguyễn Thị Phếu	17/01/1946	Xuân Nẻo	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng	1.5	1,050,000
Người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con (đối tượng theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND tỉnh Hải Dương khóa XVII)						***#VALUE!***
19	Nguyễn Thị Huệ	1/1/1959	Nghĩa Xá	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
20	Nguyễn Thị Bật	10/10/1953	Nghĩa Xá	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
21	Nguyễn Thị Nhĩ	02/5/1947	Bình Dy	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo có chồng nhưng đã chết, không có con	1.5	1,050,000
22	Nguyễn Thị Hạnh	5/20/1956	Mỗ Đoạn	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
23	Nguyễn Thị Gọi	8/7/1944	Đông Phong	Người từ đủ 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	2,0	#VALUE!
24	Nguyễn Thị Kháu	3/28/1953	Đông Phong	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
25	Nguyễn Thị Lãm	1/1/1955	Thượng Hải	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
26	Nguyễn Thị Phượng	12/10/1958	Xuân Nẻo	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
27	Nguyễn Thị Ngân	4/1/1954	Xuân Nẻo	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
28	Nguyễn Thị Tuyết	11/07/1964	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
29	Nguyễn Thị Sợt	12/11/1963	Lạc Dục	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1,5	#VALUE!
30	Phạm Thị Thơm	1/1/1952	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
31	Nguyễn Thị Xuân	10/19/1959	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
32	Nguyễn Thị Nức	9/12/1963	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1.5	1,050,000
33	Nguyễn Thị Luyên	26/3/1963	Ô Mễ	Người từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi thuộc hộ nghèo không có chồng, con	1,5	#VALUE!
Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em						***15,750,000***
34	Vũ Thu Thảo	01/10/2015	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Nhìn)	2.5	1,750,000
35	Trần Nam Trung	27/08/2016	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
36	Nguyễn Ngọc Hà	5/18/2022	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
37	Đỗ Hoàng Hải Ngân	09/01/2013	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
38	Trạc Đức Chiến	6/25/2019	Phương Quất	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
39	Phạm Văn Gia Bảo	24/4/2018	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
40	Nguyễn Vũ Hoàng Minh	01/11/2010	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
41	Phạm Tường Vy	21/5/2015	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
42	Nguyễn Xuân Dương	2/9/2019	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
Người khuyết tật đặc biệt nặng						***#VALUE!***
43	Trần Đức Thắng	08/8/2007	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
44	Phạm Trung Thành	1/29/1989	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
45	Phạm Văn Sinh	10/17/1979	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
46	Phạm Văn Yên	07/7/1998	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
47	Nguyễn Thị Thủy	23/12/1968	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
48	Chu Thị Tý	1/1/1975	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
49	Nguyễn Thị Toan	1/1/1968	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
50	Nguyễn Thị Nga	25/9/1982	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
51	Đoàn Thị Hường	26/10/1977	Bình Dy	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
52	Nguyễn Văn Tài	5/1/1985	Bình Dy	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2,0	#VALUE!
53	Nguyễn Thị Mý	01/09/1981	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
54	Nguyễn Văn Cường	01/01/1991	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
55	Nguyễn Khắc Nuôi	09/9/1969	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
56	Trần Thị Mái	17/08/1975	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
57	Nguyễn Thị Thu Hương	08/09/2004	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
58	Trần Xuân Thiết	01/01/1971	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
59	Trần Anh Tuấn	1/6/2006	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
60	Nguyễn Tá Nhất	01/08/2008	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
61	Trịnh Văn Huy	17/09/2000	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Trí tuệ, nhìn)	2.0	1,400,000
62	Nguyễn Tá Muông	05/01/1972	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói, thần kinh tâm thần)	2,0	#VALUE!
63	Nguyễn Trường Giang	7/18/2008	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (thần kinh, tâm thần, trí tuệ)	2.0	1,400,000
64	Lê Thị Mai	20/12/1998	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
65	Lê Thị Tuyết	15/10/1992	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
66	Lê Thị Thuần	07/12/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
67	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	18/10/2004	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
68	Nguyễn Thị Thảo	02/4/1996	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
69	Nguyễn Kim Tần	12/6/1989	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
70	Lê Thị Thêm	10/09/1976	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
71	Nguyễn Thị Phương Nga	23/06/1995	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
72	Đoàn Hồng Nhật	09/02/2005	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
73	Nguyễn Đức Ninh	1/1/1970	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe nói; Nhìn; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
74	Phạm Viết Tuấn Anh	05/3/2007	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Thần kinh tâm thần, nghe nói)	2,0	#VALUE!
75	Nguyễn Thị Vân	23/01/1978	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
76	Nguyễn Văn Hà	10/11/1981	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
77	Nguyễn Văn Hải	23/03/1972	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nhìn)	2.0	1,400,000
78	Nguyễn Văn Duy	21/02/2004	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
79	Nguyễn Tuấn Việt	15/11/2002	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
80	Nguyễn Văn Sang	09/8/1989	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
81	Nguyễn Thị Hoa	05/05/1986	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động)	2.0	1,400,000
82	Nguyễn Thành Long	21/08/1996	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
83	Nguyễn Ngọc Anh	03/02/1975	Ô Mễ	người khuyết tật đặc biệt nặng (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi						***#VALUE!***
84	Phạm Văn Vững	06/10/1960	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
85	Phạm Văn Viết	06/09/1959	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
86	Phạm Thị Loan	01/07/1936	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
87	Nguyễn Thị Hoa	1/1/1928	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
88	Nguyễn Thị Kim	1/1/1939	Liêu Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
89	Đỗ Văn Vần	09/12/1959	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
90	Nguyễn Thị Ản	12/6/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2,5	#VALUE!
91	Nguyễn Thị Bến	12/01/1960	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
92	Phạm Văn Minh	1/1/1950	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
93	Nguyễn Thị Lân	26/07/1945	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
94	Nhữ Thị Mây	13/7/1949	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
95	Nguyễn Thị Việt	6/1/1944	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
96	Nguyễn Thị Sánh	07/07/1942	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
97	Nguyễn Thị Gội	1/1/1952	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
98	Nguyễn Thị Viên	1/1/1958	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
99	Nguyễn Văn Phiên	9/25/1964	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
100	Nguyễn Văn Hoán	1/1/1952	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
101	Phạm Thị Lan	9/7/1959	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nhìn)	2.5	1,750,000
102	Nguyễn Thị Chãi	27/9/1956	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
103	Nguyễn Văn Sáu	10/12/1961	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
104	Nguyễn Thị Duyên	10/5/1965	Nghĩa Xá	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
105	Nguyễn Văn Sơn	1/1/1957	Bình Dy	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
106	Đoàn Thị Ước	01/01/1935	Bình Dy	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
107	Tô Văn Đô	04/06/1955	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
108	Đoàn Thị Nhì	01/01/1924	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
109	Nguyễn Thị Phương	15/08/1941	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
110	Nguyễn Thị Hay	20/01/1921	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
111	Nguyễn Thị Lơi	27/8/1955	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
112	Nguyễn Thị Đua	1/1/1936	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
113	Nguyễn Thị Hiên	12/8/1942	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
114	Nguyễn Thị Khá	7/20/1924	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
115	Nguyễn Thị Trưng	01/01/1936	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
116	Nguyễn Thị Cài	1/1/1935	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
117	Nguyễn Ngọc Đề	1/1/1935	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
118	Nguyễn Ngọc Cự	24/3/1957	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
119	Nguyễn Thị Nơ	12/10/1956	Đông Phong	Người khuyết tật đặc biệt nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, trí tuệ, thần kinh tâm thần)	2.5	1,750,000
120	Nguyễn Thị Vang	01/01/1945	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
121	Nguyễn Văn Thân	01/01/1961	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
122	Đặng Bá Lục	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói, trí tuệ)	2,5	#VALUE!
123	Nguyễn Tiến Nhật	1/1/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, khác)	2.5	1,750,000
124	Nguyễn Thị Thanh	1/1/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
125	Nguyễn Thị Minh	01/01/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
126	Nguyễn Thị Gém	01/01/1951	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
127	Nguyễn Thị Nhỡ	01/01/1949	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
128	Nguyễn Thị Lai	1/4/1937	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
129	Khương Thị Hải	1/1/1958	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
130	Nguyễn Thị Bích	1/1/1934	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
131	Lê Thị Ngả	01/01/1922	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
132	Nguyễn Thị Thước	1/1/1934	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh tâm thần; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
133	Nguyễn Thị Tẻo	1/1/1938	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
134	Nguyễn Thị Tuyến	15/12/1962	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.5	1,750,000
135	Nguyễn Kim Diệm	01/4/1956	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.5	1,750,000
136	Nguyễn Thị Chấn	5/12/1935	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
137	Nguyễn Thị Vơn	02/10/1931	Thượng Hải	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
138	Phạm Thị Thử	1/1/1930	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.5	1,750,000
139	Nguyễn Hà My	9/11/2021	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em (Vận động)	2.5	1,750,000
140	Nguyễn Văn Dùng	20/02/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
141	Nguyễn Thị Nương	10/27/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
142	Trần Thị Ngàn	01/01/1931	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
143	Nguyễn Thị Lâm	1/1/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
144	Nguyễn Sơn Lam	13/9/1950	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
145	Phạm Huy Đường	15/02/1942	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
146	Nguyễn Văn Bình	12/01/1963	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
147	Nguyễn Thị Luyện	01/01/1936	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
148	Nguyễn Thị Yến	01/01/1938	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
149	Đoàn Thị Đỡ	16/10/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
150	Bùi Thị Mấm	01/02/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2,5	#VALUE!
151	Nguyễn Thị Chín	1/1/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
152	Đoàn Thị Cảng	1/1/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
153	Nguyễn Văn Phấn	11/7/1965	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
154	Nguyễn Thị Tỵ	01/01/1940	Xuân Nẻo	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
155	Nguyễn Thị Ca	1/1/1940	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
156	Vũ Văn Thất	1/1/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
157	Phạm Văn Thú	08/10/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
158	Nguyễn Thị Nhàn	24/10/1936	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động, nghe, nói)	2.5	1,750,000
159	Nguyễn Thị Dỗ	1/1/1946	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.5	1,750,000
160	Phạm Thị Quắt	11/26/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
161	Nguyễn Thị Huê	02/9/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
162	Phạm Thị Loan	1/1/1932	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
163	Nguyễn Thị Doan	10/12/1962	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
164	Phạm Thị Xịn	12/11/1934	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
165	Phạm Văn Thoán	15/6/1930	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (vận động)	2.5	1,750,000
166	Nguyễn Thị La	2/2/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
167	Nguyễn Thị Lắm	1/1/1940	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.5	1,750,000
168	Phạm Văn Thắng	3/26/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
169	Nguyễn Thị Dấn	01/01/1931	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,5	#VALUE!
170	Nguyễn Thị Mấm	10/02/1942	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
171	Nguyễn Thị Hiệc	01/01/1936	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
172	Nguyễn Thị Na	8/26/1944	Lạc Dục	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
173	Nguyễn Thị Chuyển	01/01/1950	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.5	1,750,000
174	Nguyễn Thị Vui	1/1/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
175	Nguyễn Thị Nga	1/1/1960	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.5	1,750,000
176	Phạm Thị Công	01/01/1934	Ô Mễ	Người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.5	1,750,000
Người khuyết tật nặng là trẻ em						***#VALUE!***
177	Nguyễn Đình Thế	7/20/2011	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe nói)	2.0	1,400,000
178	Nguyễn Tú Quỳnh	30/3/2016	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ; Nghe nói)	2.0	1,400,000
179	Nguyễn Tú Anh	25/09/2023	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe nói)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
180	Nguyễn Yến Nhi	01/09/2018	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nhìn)	2.0	1,400,000
181	Nhữ Thị Thu Hải	11/25/2011	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe nói)	2.0	1,400,000
182	Đoàn Nhật Lệ	26/09/2019	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
183	Phạm Bảo Nam	19/08/2018	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
184	Nguyễn Ngọc Khánh Chi	30/8/2014	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
185	Nguyễn Tá Dinh	08/9/2011	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ, nghe, nói)	2.0	1,400,000
186	Nguyễn Minh Ngọc	4/3/2018	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là trẻ em (trí tuệ, thần kinh tâm thần)	2.0	1,400,000
187	Lê Minh Anh	04/10/2014	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
188	Trần Bảo Phúc	9/23/2010	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
189	Trần Quỳnh Trang	18/7/2018	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Dạng khuyết tật: Nghe nói)	2,0	#VALUE!
190	Phạm Thị Kim Ngân	05/6/2010	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nhìn)	2.0	1,400,000
191	Ngô Khánh Nhi	30/6/2011	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Vận động)	2.0	1,400,000
192	Phạm Ngọc Anh	21/11/2023	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là trẻ em (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
Người khuyết tật nặng						***#VALUE!***
193	Phạm Quốc Vinh	15/12/1981	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Nhìn)	1.5	1,050,000
194	Nguyễn Văn Thắng	1/1/1972	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
195	Nguyễn Văn Chiến	13/12/1985	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
196	Vũ Thị Huyền	22/3/1994	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
197	Đỗ Thành Luân	06/02/1996	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
198	Nguyễn Thị Hương Giang	07/01/2004	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
199	Tô Văn Nam	08/9/1983	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
200	Nguyễn Văn Thực	27/6/1984	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
201	Nguyễn Thị Ánh	27/06/1973	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
202	Vũ Thị Thủy	10/9/1986	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
203	Phạm Văn Chiến	3/21/1978	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
204	Nguyễn Văn Lịch	21/11/1995	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
205	Trần Thị Mai	16/5/1982	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
206	Nguyễn Văn Hưng	1/1/1983	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
207	Phạm Văn Chởn	07/10/1966	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
208	Chu Nguyễn Trung Hiếu	29/4/2009	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
209	Đoàn Thị Hà	17/5/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, nhìn)	1,5	#VALUE!
210	Nguyễn Quốc Quyền	10/6/1988	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
211	Phạm Văn Khương	05/6/1976	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
212	Phạm Hồng Hạnh	23/01/1996	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
213	Nguyễn Mạnh Long	02/12/1998	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
214	Phạm Thị Hoa	20/4/1969	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
215	Phạm Văn Nhân	07/5/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
216	Nguyễn Thị Đức Yên	10/20/1984	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Nghe nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
217	Phạm Thị Nhân	04/02/1971	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng (Nghe nói)	1.5	1,050,000
218	Nguyễn Văn Huy	13/7/1978	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
219	Nguyễn Tiến Lập	18/10/1984	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
220	Phạm Thị My	5/22/1968	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (trí tuệ)	1.5	1,050,000
221	Nguyễn Văn Tuấn	08/11/1971	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
222	Âu Thị Lê	01/01/1999	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
223	Đoàn Văn Tấn	04/3/1967	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
224	Nguyễn Thị Sáu	26/6/1970	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
225	Nguyễn Văn Tấn	22/6/1974	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
226	Nguyễn Thị Nhi	10/10/1968	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
227	Nguyễn Thị Hậu	26/11/1980	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
228	Nguyễn Thanh Sơn	01/05/1968	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
229	Đàm Văn Hảo	07/02/1973	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
230	Nguyễn Văn Quyết	08/12/1971	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
231	Nguyễn Văn Tú	10/8/1980	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
232	Chu Xuân Quang	15/6/1984	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
233	Nguyễn Văn Thanh	22/11/1984	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
234	Đoàn Văn Hiển	12/10/1979	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
235	Nguyễn Thị Tiến	05/12/1971	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
236	Nguyễn Xuân Bình	14/10/1988	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
237	Nguyễn Thị Hồng	04/04/1990	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
238	Chu Thị Hạnh	1/1/1974	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
239	Nguyễn Thị Thu Hằng	01/06/1979	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
240	Nguyễn Thị Ngần	10/16/1983	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
241	Lê Thị Thuyên	11/9/1970	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
242	Nguyễn Thị Trung	01/9/1984	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
243	Phạm Thị Thủy	05/8/1979	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
244	Chu Văn Duẩn	15/5/1971	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
245	Nguyễn Văn Phúc	15/06/1989	Bình Dy	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
246	Nguyễn Thị Nguyệt	6/25/1966	Bình Dy	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
247	Nguyễn Thị Kim Đua	7/10/1978	Bình Dy	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
248	Nguyễn Thị Xoan	01/01/1977	Bình Dy	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
249	Nguyễn Thị Bích Lan	06/5/1980	Bình Dy	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
250	Nguyễn Văn Tài	30/11/1996	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động, trí tuệ)	1,5	#VALUE!
251	Đoàn Thị Hoàn	29/01/1972	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Nhìn)	1,5	#VALUE!
252	Đoàn Văn Tùng	8/11/1982	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
253	Nguyễn Ngọc Công	9/22/1990	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
254	Tô Văn Hùng	18/08/1980	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
255	Đoàn Văn Hậu	13/01/1969	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
256	Nguyễn Huy Sơn	4/16/1998	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
257	Dương Văn Thắng	04/04/1979	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
258	Nguyễn Văn Hà	15/10/1980	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
259	Đặng Thị Hiền	08/05/1999	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
260	Đoàn Văn Thành	06/06/2002	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
261	Nguyễn Văn Thư	23/09/1984	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
262	Tô Thị Tư	03/06/1988	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
263	Tô Thị Thuy	19/09/1985	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
264	Đoàn Văn Hiệp	24/01/1988	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
265	Đoàn Thị Luyến	1/1/1972	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
266	Đoàn Văn Luyện	6/15/1969	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
267	Tô Thị Ngọc Thảo	4/21/2007	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
268	Nguyễn Văn Hường	13/6/1971	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
269	Đoàn Cường	23/10/1983	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
270	Nguyễn Văn Thực	20/05/1970	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
271	Nguyễn Đức Dương	21/08/1995	Phương Quất	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
272	Nguyễn Thị Tươi	18/06/1982	Phương Quất	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
273	Tăng Thị Thơi	10/15/1967	Phương Quất	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
274	Nguyễn Thị Ruộng	20/6/1972	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
275	Nguyễn Minh Tường	25/8/1981	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
276	Nguyễn Thị Hằng	25/6/2003	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
277	Trần Thị Tuyết	28/8/1987	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
278	Nguyễn Ngọc Kê	05/6/1970	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
279	Nguyễn Đào Tiềm	11/7/1974	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
280	Nguyễn Thị Thực	25/4/1983	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
281	Nguyễn Thị Phấn	10/5/1968	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
282	Hoàng Bạch Hùng	13/11/1972	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
283	Nguyễn Tá Tâm	12/25/2000	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (trí tuệ)	1.5	1,050,000
284	Nguyễn Tá Huấn	11/3/1989	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nhìn; Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
285	Trần Công Chiến	6/26/2003	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
286	Nguyễn Ngọc Tiến	8/14/1995	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
287	Nguyễn Thị Hoa	10/23/1973	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
288	Trịnh Thành Long	06/01/2009	Đông Phong	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
289	Nguyễn Văn Tuấn	9/20/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
290	Trương Văn Vũ	5/9/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
291	Nguyễn Thị Ty	25/4/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
292	Nguyễn Quang Định	07/4/1993	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
293	Đinh Thị Thuận	18/02/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
294	Nguyễn Tất Khiếu	31/10/1973	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần, Trí tuệ)	1.5	1,050,000
295	Nguyễn Thị Viên	01/01/1967	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
296	Nguyễn Kim Tùng	01/02/1998	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
297	Lê Thị Thảo	13/7/1990	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
298	Nguyễn Tất Quân	19/7/1984	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
299	Nguyễn Thị Đang	25/10/1966	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
300	Nguyễn Văn Thuần	01/10/1983	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
301	Nguyễn Thị Hoà	09/11/1987	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
302	Nguyễn Hanh Chiền	10/12/1977	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
303	Khương Viết Canh	23/11/1969	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
304	Khương Viết Hải	26/9/1985	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
305	Nguyễn Kim Dũng	10/4/1972	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động, Trí tuệ)	1.5	1,050,000
306	Nguyễn Sách Thắng	02/01/1970	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
307	Nguyễn Thị Hoa	2/1/1994	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
308	Nguyễn Thị Ngọt	3/1/1972	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Khác)	1.5	1,050,000
309	Nguyễn Sách Quang	7/20/1980	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe nói)	1.5	1,050,000
310	Khương Thị Nhuận	7/25/1968	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
311	Nguyễn Khắc Trường	10/1/1993	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
312	Nguyễn Kim Đạt	02/3/1984	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Khác)	1,5	#VALUE!
313	Nguyễn Tùng Dương	12/15/2007	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
314	Nguyễn Thị Thảo	6/16/1969	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
315	Nguyễn Thị Tuyết	9/15/1967	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (vận động, nghe, nói)	1.5	1,050,000
316	Nguyễn Văn Định	04/02/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
317	Nguyễn Thị Kim Huệ	25/12/2002	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
318	Nguyễn Thị Phúc	10/02/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
319	Phạm Kim Hạnh	06/7/1995	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ; Nhìn)	1.5	1,050,000
320	Nguyễn Ngọc Thơ	05/12/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
321	Nguyễn Thị Lan	13/11/1984	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
322	Phạm Văn Đông	22/10/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
323	Nguyễn Văn Trung	26/01/2001	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
324	Nguyễn Thị Hoàn	17/5/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
325	Nguyễn Văn Hữu	19/8/1969	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
326	Phạm Văn Tuân	24/8/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn)	1.5	1,050,000
327	Phạm Văn Đại	13/6/1991	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
328	Nguyễn Kim Lan	26/11/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
329	Nguyễn Văn Hùng	14/9/1966	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
330	Nguyễn Văn Hòa	18/02/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
331	Phạm Văn Bẩy	01/12/1970	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
332	Nguyễn Thị Nhạn	05/10/1971	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
333	Nguyễn Thành Long	07/3/2001	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
334	Nguyễn Thanh Thảo	08/9/1988	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
335	Nguyễn Thị Huệ	12/11/1984	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
336	Nguyễn Quốc Hưng	15/02/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
337	Nguyễn Quang Tiến	16/7/1997	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
338	Nguyễn Văn Mạnh	18/12/1973	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
339	Phạm Thị Thu Thanh	23/3/1979	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
340	Phạm Văn Vinh	27/8/1975	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
341	Trần Văn Dũng	14/11/1985	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
342	Nguyễn Thị Thu Hà	6/28/1982	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
343	Nguyễn Mạnh Tuấn	4/26/1989	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
344	Phạm Thừa Thắng	12/12/1968	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng (Vận động, thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
345	Nguyễn Ngọc Lương	04/9/1983	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
346	Phạm Thị Tiến	08/11/1966	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
347	Phạm Văn Chiến	19/10/1997	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
348	Nguyễn Thị Giang	23/02/1989	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
349	Phạm Thị Hòa Bình	27/01/1973	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
350	Nguyễn Văn Kha	07/8/1988	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
351	Ngô Văn Minh	25/8/1987	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
352	Trịnh Thị Ngân	02/8/1973	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
353	Phạm Thị Huyền Trang	14/4/1995	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
354	Nguyễn Văn Huynh	4/16/1967	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
355	Nguyễn Thị Ngân	03/10/1978	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
356	Phạm Văn Bính	10/9/1968	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
357	Ngô Ngọc Tiến	20/6/2001	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
358	Nguyễn Thị Mai	10/01/1992	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
359	Nguyễn Thị Tươi	10/20/1966	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ; Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
360	Phạm Văn Thảo	19/7/1982	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Trí tuệ)	1,5	#VALUE!
361	Nguyễn Văn Thành	29/12/1970	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
362	Nguyễn Văn Nhường	02/6/1988	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
363	Phạm Thị Thuấn	20/12/1968	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Vận động)	1,5	#VALUE!
364	Nguyễn Văn Hưởng	11/12/2000	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng (Dạng khuyết tật: Thần kinh, tâm thần)	1,5	#VALUE!
365	Nguyễn Thị Hường	07/7/1976	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Nhìn; Thần kinh tâm thần)	1.5	1,050,000
366	Nguyễn Thị Hải Yến	02/9/1973	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
367	Phạm Viết An	21/02/1995	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
368	Nguyễn Thành Hưng	06/9/1979	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
369	Nguyễn Văn Đức	06/9/1972	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
370	Nguyễn Văn Tường	19/5/1973	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
371	Nguyễn Thị Vân	22/12/1970	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
372	Phạm Văn Bền	14/02/1977	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe, nói)	1.5	1,050,000
373	Nguyễn Trung Hiếu	18/3/1999	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Nghe, nói)	1.5	1,050,000
374	Nguyễn Hồng Hạnh	06/8/2002	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
375	Nguyễn Thị Điệp	15/02/1981	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Thần kinh, tâm thần)	1.5	1,050,000
376	Đặng Quốc An	04/7/2003	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ)	1.5	1,050,000
377	Phạm Văn Hòa	1/1/1971	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Trí tuệ; Nghe, nói)	1.5	1,050,000
378	Lê Sỹ Việt	01/5/1977	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
379	Nguyễn Văn Thuật	11/01/1967	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
380	Nguyễn Văn Bình	13/5/1991	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
381	Phạm Quang Huy	20/10/2001	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
382	Phạm Thị Huệ	23/01/1971	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
383	Phạm Văn Hùng	25/7/1994	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
384	Phạm Văn Đại Anh	30/4/2004	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
385	Phạm Gia Thái	03/10/1976	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Nghe, nói)	1.5	1,050,000
386	Nguyễn Thị Linh	02/8/1993	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động; Trí tuệ)	1.5	1,050,000
387	Phan Thị Bẩy	12/6/1969	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (Vận động)	1.5	1,050,000
388	Phạm Thị Nga Linh	5/4/1993	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng (nghe nói)	1.5	1,050,000
Người khuyết tật nặng là người cao tuổi						***#VALUE!***
389	Nguyễn Thị Thinh	6/25/1958	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
390	Nguyễn Xuân Tỷ	12/09/1941	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
391	Trần Thị Thùy	01/8/1960	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
392	Phạm Đình Chương	07/10/1959	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
393	Nguyễn Thị Cống	12/9/1929	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
394	Nguyễn Văn Tích	15/02/1960	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
395	Tô Văn Toản	18/8/1958	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
396	Nguyễn Văn Truật	3/1/1940	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
397	Nguyễn Thị Cay	01/01/1944	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
398	Nguyễn Quyết Thắng	5/19/1958	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
399	Nguyễn Thị Uyển	5/5/1959	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
400	Nguyễn Thị Nghiêm	1/2/1934	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
401	Nguyễn Thị Căn	08/10/1938	Liêu Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
402	Đoàn Phái Chiến	30/3/1956	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
403	Ngô Thị Tài	7/1/1953	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
404	Nguyễn Thị Giang	01/5/1958	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
405	Nguyễn Văn Ngọ	7/1/1960	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
406	Đoàn Thị Lệ	8/1/1947	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
407	Nguyễn Văn Việt	16/8/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
408	Nhữ Thị Mơ	01/6/1939	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
409	Nguyễn Thị Gỡ	7/1/1953	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
410	Phạm Văn Thấn	2/1/1962	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
411	Phạm Thị Khai	1/1/1963	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
412	Nguyễn Văn Chuyển	7/1/1959	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
413	Ngô Văn Chinh	1/1/1958	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
414	Nguyễn Thị Chắc	05/02/1957	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
415	Vũ Văn Vảng	4/1/1952	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
416	Phạm Thị Hương	26/04/1963	Nghĩa Dũng	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
417	Nguyễn Văn Vượng	3/1/1944	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
418	Nguyễn Ngọc Tấn	7/17/1941	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (nhìn)	2.0	1,400,000
419	An Thị Thuận	01/01/1964	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
420	Nguyễn Văn Hồng	1/1/1960	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
421	Đặng Thị Ngọn	22/02/1952	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
422	Phạm Thị Nhung	12/4/1964	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
423	Nguyễn Thị Vân	10/05/1945	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
424	Nguyễn Thị Nhỏ	1/1/1956	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
425	Nguyễn Văn Đỏ	1/1/1951	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
426	Nguyễn Văn Chè	08/4/1961	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
427	Nguyễn Văn Tung	10/10/1960	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
428	Phạm Văn Duy	17/03/1960	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
429	Vũ Thị Thính	1/1/1930	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
430	Nguyễn Thị Nụ	3/1/1941	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
431	Nguyễn Thị Sinh	07/5/1930	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
432	Nguyễn Thị Loan	06/02/1946	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
433	Nguyễn Thị Mật	1/1/1964	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (trí tuệ)	2.0	1,400,000
434	Nguyễn Văn Đạo	7/9/1962	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
435	Nguyễn Thị Toan	15/3/1959	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
436	Nguyễn Thị Thương	14/02/1955	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
437	Nguyễn Thị Phích	18/10/1958	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
438	Nguyễn Hữu Đô	01/01/1937	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
439	Nguyễn Thị Thu	01/01/1940	Nghĩa Xá	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
440	Nguyễn Văn Đỉnh	02/01/1947	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói)	2.0	1,400,000
441	Vũ Văn Thụ	1/1/1958	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
442	Nguyễn Thị Hoành	20/08/1954	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
443	Vũ Văn Hưởng	23/08/1959	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
444	Vũ Văn Phú	14/02/1950	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
445	Nguyễn Thị Lan	1/1/1937	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
446	Nguyễn Thị Thanh	5/1/1934	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
447	Phạm Thị Tính	05/12/1956	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, Nhìn)	2.0	1,400,000
448	Nguyễn Thị Mỳ	30/12/1962	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
449	Vũ Thị Đào	5/4/1948	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
450	Nguyễn Thị Liễn	24/06/1950	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
451	Tăng Thị Sáng	08/04/1953	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
452	Nguyễn Văn Lộc	08/03/1965	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
453	Nguyễn Thị Bẻo	03/02/1927	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
454	Nguyễn Quang Tiến	18/4/1958	Bình Dy	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
455	Đoàn Thị Đay	07/01/1955	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
456	Nguyễn Thị Hợi	17/05/1957	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
457	Tăng Đức Tài	27/09/1954	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
458	Tăng Thị Lanh	05/5/1957	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
459	Trần Thị Xuân	1/1/1943	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
460	Nguyễn Văn Sánh	24/3/1965	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
461	Nguyễn Thế Vinh	01/02/1951	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
462	Nguyễn Văn Ngẫu	17/03/1949	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
463	Nguyễn Văn Dần	02/09/1962	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
464	Nguyễn Văn Mát	1/1/1946	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
465	Nguyễn Thị Liên	2/2/1940	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
466	Vũ Thị Mỹ	14/11/1962	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
467	Vũ Thị Lơ	20/07/1945	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
468	Nguyễn Thị Mong	30/11/1961	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2,0	#VALUE!
469	Nguyễn Văn Hoạch	15/06/1965	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
470	Đỗ Văn Tiến	06/10/1965	Mỗ Đoạn	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
471	Nguyễn Thị Giới	16/12/1954	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
472	Tăng Thị Doan	17/05/1950	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
473	Phạm Thị Hòa	1/1/1961	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
474	Lương Thị Bống	15/05/1957	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
475	Đoàn Thị Ngân	18/03/1948	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
476	Tăng Thị Hoa	1/1/1962	Phương Quất	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2,0	#VALUE!
477	Phạm Thị Thuý Toàn	03/6/1949	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
478	Khương Thị Loan	1/1/1937	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
479	Nguyễn Thị Nâng	22/02/1952	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
480	Trần Thị Thuận	27/02/1941	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
481	Nguyễn Khắc Gầy	11/15/1961	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
482	Nguyễn Thị Quạt	01/6/1946	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
483	Trịnh Thị Hạt	05/3/1957	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
484	Nguyễn Văn Liệt	06/01/1958	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
485	Nguyễn Văn Măng	14/8/1960	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
486	Nguyễn Thị Nhàng	25/4/1954	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
487	Nguyễn Văn Bệ	1/1/1954	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
488	Nguyễn Thị Mến	1/1/1958	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
489	Nguyễn Văn Luật	07/4/1963	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
490	Trần Thị Tươi	12/2/1955	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
491	Nguyễn Ngọc Chánh	4/14/1959	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
492	Nguyễn Thị Cúi	1/1/1951	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
493	Nguyễn Thị Rẽ	2/15/1964	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
494	Nguyễn Thị Bẩy	01/01/1947	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
495	Vũ Thị Liên	1/1/1952	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
496	Nguyễn Thị Uyn	20/3/1940	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động, khác)	2.0	1,400,000
497	Nguyễn Thị Lấm	1/1/1939	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
498	Nguyễn Ngọc Quê	6/20/1965	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
499	Nguyễn Văn Bài	2/5/1965	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ, nghe nói)	2	1,400,000
500	Trần Thị Nhàn	01/01/1946	Đông Phong	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
501	Nguyễn Thị Bấm	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
502	Nguyễn Thị Tròn	01/01/1965	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
503	Nguyễn Thị Mão	1/1/1935	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
504	Lê Văn Lan	01/01/1942	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
505	Nguyễn Đình Xã	01/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
506	Nguyễn Thị Vi	01/01/1930	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
507	Nguyễn Thị Bính	1/1/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2	1,400,000
508	Nguyễn Tất Kiên	3/25/1949	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nhìn)	2	1,400,000
509	Nguyễn Thị Kiêu	1/1/1933	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
510	Nguyễn Thị Cúc	1/1/1938	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
511	Nguyễn Thị Dụ	1/1/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
512	Nguyễn Thị Nghêu	1/1/1944	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
513	Nguyễn Khắc Số	01/01/1960	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
514	Khương Viết Huyền	15/9/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
515	Nguyễn Thị Đức	18/7/1960	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
516	Khương Viết Du	1/1/1946	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
517	Nguyễn Tất Muôn	01/01/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
518	Nguyễn Sách Xuyền	01/01/1957	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
519	Đoàn Thị Điệp	01/01/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
520	Trịnh Xuân Triềm	5/20/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Thần kinh, tâm thần; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
521	Nguyễn Văn Tuất	01/01/1946	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
522	Nguyễn Thị Dậy	6/20/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
523	Nguyễn Thị Tản	1/1/1931	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
524	Nguyễn Thị Dạo	1/1/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
525	Nguyễn Thị Man	07/8/1940	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
526	Nguyễn Thị Đạm	01/01/1939	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
527	Nguyễn Thị Bạc	1/7/1958	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ; Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
528	Nguyễn Thị Lâm	1/1/1952	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
529	Nguyễn Thị Ngoan	2/25/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
530	Nguyễn Thị Rát	11/11/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
531	Nguyễn Thị Tảo	1/20/1948	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
532	Trịnh Thị Ca	9/12/1949	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
533	Khương Thị Ly	1/1/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
534	Nguyễn Thị Mấn	10/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
535	Trần Thị Mơ	01/01/1964	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
536	Nguyễn Thị Hòa	4/9/1958	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, trí tuệ)	2.0	1,400,000
537	Khương Thị Thảo	25/10/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	*2,0*	#VALUE!
538	Khương Viết Triển	05/7/1951	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
539	Nguyễn Thị Hỏi	01/01/1954	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
540	Nguyễn Văn Gòong	01/01/1953	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
541	Nguyễn Tất Vương	24/6/1959	Thượng Hải	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Khác)	2,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
542	Lương Thị Chi	1/10/1961	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
543	Nguyễn Thị Thủy	08/10/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
544	Nguyễn Thị Xoan	01/3/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
545	Phan Thị Tâm	16/01/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
546	Nguyễn Mạnh Hùng	19/02/1959	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
547	Phạm Thị Hoạch	27/11/1955	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
548	Phan Thị Loan	01/01/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
549	Phạm Đức Trung	01/01/1952	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
550	Đặng Thị Thật	1/1/1945	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
551	Trần Văn Khải	1/1/1950	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
552	Nguyễn Thị Hồi	1/1/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
553	Bùi Thị Dục	20/5/1949	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
554	Nguyễn Văn Trung	1/1/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
555	Nguyễn Thị Phương	1/1/1924	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
556	Nguyễn Huy Hợi	06/10/1958	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
557	Nguyễn Thị Đằm	16/10/1960	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
558	Nguyễn Thị Thìn	1/1/1954	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
559	Nguyễn Thị Bình	24/6/1954	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
560	Phạm Thị Chinh	28/01/1953	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
561	Nguyễn Thị Dần	29/5/1962	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
562	Nguyễn Văn Dậu	01/02/1934	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
563	Nguyễn Thị Phượng	10/10/1963	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
564	Phạm Thị Vân	6/1/1964	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
565	Nguyễn Văn Sáu	7/10/1964	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
566	Nguyễn Thị Xuân	17/3/1932	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
567	Phạm Thị Thu	15/8/1948	Xuân Nẻo	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
568	Nguyễn Thị Kim Oanh	7/13/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
569	Nguyễn Thị Ca	08/5/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
570	Nguyễn Thị Ngóp	8/20/1958	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
571	Nguyễn Thị Hạnh	8/20/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
572	Nguyễn Thị Diu	1/1/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
573	Phạm Thị Phương	19/11/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
574	Nguyễn Thị Huyên	1/1/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
575	Nguyễn Văn Hởi	04/8/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
576	Phạm Thị Thuận	15/6/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
577	Phạm Thị Hạ	20/5/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
578	Phạm Thị Mây	28/4/1953	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
579	Nguyễn Văn Nam	30/6/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
580	Nguyễn Thị Lượt	1/1/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
581	Nguyễn Thị Ty	1/1/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Trí tuệ)	2.0	1,400,000
582	Nguyễn Văn Thiềm	01/8/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
583	Nguyễn Thị Dãn	07/9/1951	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
584	Phạm Thị Lành	10/10/1959	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
585	Nguyễn Anh Tuấn	11/11/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
586	Nguyễn Văn Hoán	17/8/1945	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
587	Nguyễn Thị Mượn	1/1/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
588	Bùi Thị Xuyên	1/1/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
589	Nguyễn Thị Dậng	1/1/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
590	Lê Thị Lý	21/01/1952	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
591	Nguyễn Thị La	26/3/1956	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
592	Phạm Văn Thế	12/12/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Trí tuệ)	2.0	1,400,000
593	Phạm Thị Dung	18/06/1950	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
594	Phạm Thị Hơn	26/03/1947	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
595	Phạm Thị Duyên	12/26/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
596	Nguyễn Văn Tuyên	2/3/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động, nghe, nói)	2.0	1,400,000
597	Nguyễn Thị Quyết	1/1/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
598	Nguyễn Văn Linh	15/5/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
599	Phạm Ngọc Bình	9/9/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
600	Vũ Thị Hiến	8/18/1957	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
601	Vũ Thị Tín	01/12/1960	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
602	Phạm Văn Lâm	15/7/1955	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
603	Nguyễn Thị Thêu	02/7/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
604	Phạm Thị Quen	04/4/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
605	Nguyễn Văn Dung	19/5/1954	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
606	Phạm Thị Ha	10/20/1961	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nghe, nói, thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
607	Phạm Thị Nhấn	01/01/1962	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
608	Nguyễn Thị Thơ	08/02/1963	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
609	Nguyễn Văn Trự	02/02/1965	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Thần kinh tâm thần)	2,0	#VALUE!
610	Phạm Thị Mưa	15/02/1945	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
611	Phạm Thị Lanh	04/3/1937	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
612	Phạm Thị Triệu	20/09/1965	Lạc Dục	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
613	Nguyễn Thị Xuyến	7/17/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
614	Nguyễn Văn Tâm	1/1/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (vận động)	2.0	1,400,000
615	Vương Thị Hy	01/01/1958	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
616	Nguyễn Văn Xứng	1/1/1946	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
617	Nguyễn Văn Hiền	01/01/1955	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
618	Nguyễn Văn Hanh	10/12/1961	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000
619	Nguyễn Thị Nga	01/01/1962	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
620	Trần Văn Trung	10/8/1962	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
621	Nguyễn Thị Bằng	1/1/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
622	Nguyễn Thị Thơ	5/23/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe, nói)	2.0	1,400,000
623	Nguyễn Quốc Song	1/1/1952	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nghe nói)	2.0	1,400,000
624	Nguyễn Thị Tân	12/10/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
625	Nguyễn Thị Hỡi	1/1/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Nhìn)	2.0	1,400,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
626	Nguyễn Văn Thám	01/01/1956	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
627	Nguyễn Thị Thành	1/1/1956	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
628	Nguyễn Văn Bách	1/1/1957	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
629	Nguyễn Thị Hà	1/1/1958	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
630	Nguyễn Thị Miễu	21/01/1955	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Thần kinh, tâm thần)	2.0	1,400,000
631	Nguyễn Thị Nhung	01/01/1960	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
632	Phạm Văn Thảo	26/12/1947	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
633	Nguyễn Văn Miên	29/4/1959	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
634	Nguyễn Văn Minh	03/01/1962	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
635	Nguyễn Thị Yến	27/01/1954	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
636	Vũ Thị Hoàn	09/10/1945	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
637	Nguyễn Thị Xuyên	1/1/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
638	Nguyễn Thị Liên	7/10/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
639	Vương Thị Chính	12/10/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động; Nhìn)	2.0	1,400,000
640	Nguyễn Thị Thu	5/12/1963	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động)	2.0	1,400,000
641	Nguyễn Văn Đan	14/11/1964	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2.0	1,400,000
642	Đoàn Thị Mận	10/8/1964	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Dạng khuyết tật: Vận động)	2,0	#VALUE!
643	Nguyễn Thị Miên	1/1/1948	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
644	Nguyễn Thị Nghĩ	1/1/1949	Ô Mễ	Người khuyết tật nặng là người cao tuổi (Vận động, nghe nói)	2.0	1,400,000
Hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ đủ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi mất nguồn nuôi dưỡng						***1,050,000***
645	Nguyễn Thị Hòa	9/19/1969	Đông Phong	Người nhận chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng do mồ côi cả cha lẫn mẹ (Nguyễn Việt Anh; Sn: 24/12/2010)	1.5	1,050,000
Hỗ trợ hộ gia đình đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật đặc biệt nặng						**#VALUE!**
646	Nguyễn Thị Hoa	01/01/1928	Liêu Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1928	1.0	700,000
647	Phạm Văn Viết	9/6/1959	Liêu Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Viết	1.0	700,000
648	Trần Văn Đại	28/05/1975	Liêu Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Đức Thắng (sinh năm: 2007)	1,0	#VALUE!
649	Nguyễn Thị Bẩy	21/03/1964	Liêu Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Vững (sinh năm: 1960)	1,0	#VALUE!
650	Nguyễn Thị Bẩy	3/21/1964	Liêu Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Trung Thành, sinh ngày 29/01/1989	1.0	700,000
651	Phạm Văn Thích	10/02/1975	Liêu Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Kim, sinh ngày 01/01/1939	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
652	Nguyễn Thị Thảo	28/11/1988	Liêu Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Nam Trung, sinh ngày 27/8/2016)	1.0	700,000
653	Nguyễn Thị Luyến	6/27/1945	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lân (sinh năm: 1945)	1.0	700,000
654	Phạm Văn Kỳ	11/1/1940	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Việt (sinh năm: 1944)	1.0	700,000
655	Phạm Văn Hoán	10/5/1958	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Minh (sinh năm: 1950)	1.0	700,000
656	Nhữ Thị Mây	7/13/1949	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nhữ Thị Mây, sinh ngày 13/7/1949	1.0	700,000
657	Phạm Văn Phong	27/12/1962	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Yên (sinh năm: 1998)	1,0	#VALUE!
658	Ngô Thị Bài	9/15/1955	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Sinh, sinh ngày 17/10/1979	1.0	700,000
659	Phạm Thị Giáp	06/7/1954	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đỗ Văn Vần (sinh ngày: 09/12/1959)	1,0	#VALUE!
660	Phạm Văn Bài	01/5/1955	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Ân (sinh ngày: 12/6/1957)	1,0	#VALUE!
661	Vũ Văn Thụ	02/7/1983	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Thị Thảo (sinh năm: 2015)	1.0	700,000
662	Phạm Văn Đát	7/5/1961	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Bến	1.0	700,000
663	Nguyễn Thanh Thủy	1/17/1959	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Loan, sinh ngày 01/7/1936	1.0	700,000
664	Nguyễn Huy Bang	5/18/1944	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Sánh, sinh ngày 07/7/1942	1.0	700,000
665	Đoàn Văn Tính	01/01/1967	Nghĩa Dũng	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thuỷ, sinh ngày 23/12/1968	1.0	700,000
666	Nguyễn Công Bon	16/02/1951	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chãi (sinh năm: 1956)	1.0	700,000
667	Nguyễn Văn Toản	15/8/1964	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Toan (sinh năm: 1968)	1,0	#VALUE!
668	Nguyễn Thị Viên	1/1/1958	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Viên, sinh năm 1958	1.0	700,000
669	Nguyễn Thị Hoài	11/12/1960	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sáu, sinh ngày 12/10/1961	1.0	700,000
670	Nguyễn Thị Hằng	12/9/1991	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Gội, sinh ngày 01/01/1952	1.0	700,000
671	Chu Văn Thắng	12/04/1968	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Chu Thị Tý (sinh năm: 1975)	1,0	#VALUE!
672	Nguyễn Văn Táy	2/16/1963	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Duyên, sinh ngày 05/10/1965	1.0	700,000
673	Nguyễn Thị Ly	6/10/1954	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hoán, sinh ngày 01/01/1952	1.0	700,000
674	Nguyễn Thị Thảo	4/7/1964	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phiên, sinh ngày 25/9/1964	1.0	700,000
675	Nguyễn Văn Hiền	5/3/1952	Nghĩa Xá	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Lan, sinh ngày 07/9/1959	1.0	700,000
676	Phạm Văn Oanh	17/10/1957	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Oanh (sinh năm: 1957)	1.0	700,000
677	Chu Khánh Ly	01/11/2004	Nghĩa Xá	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nga (sinh ngày: 25/9/1982)	1.0	700,000
678	Đỗ Thị Lê	11/13/1953	Bình Dy	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Hường (sinh năm: 1977)	1.0	700,000
679	Nguyễn Đức Hăng	04/01/1959	Bình Dy	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Tài (sinh năm: 1985)	1,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
680	Nguyễn Thanh Nam	11/18/1980	Bình Dy	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Ước, sinh ngày 01/01/1935	1.0	700,000
681	Lã Thị The	15/10/1957	Bình Dy	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sơn, sinh ngày 01/01/1957	1.0	700,000
682	Nguyễn Đức Đông	17/05/1954	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Mý (sinh năm: 1981)	1,0	#VALUE!
683	Tăng Thị Tẻo	24/04/1958	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Tô Văn Đô (sinh năm: 1955)	1,0	#VALUE!
684	Nguyễn Văn Nam	2/3/1963	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Phương, sinh ngày 15/8/1941	1.0	700,000
685	Nguyễn Văn Khoái	11/22/1983	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Nhì, sinh ngày 01/01/1924	1.0	700,000
686	Trương Thị Dịu	4/18/1984	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Hà, sinh ngày 18/5/2022	1,0	#VALUE!
687	Nguyễn Văn Thảnh	5/4/1960	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Cường	1.0	700,000
688	Tăng Thị Tình	08/3/1987	Mỗ Đoạn	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đỗ Hoàng Hải Ngân (sinh ngày: 09/01/2013)	1,0	#VALUE!
689	Nguyễn Thị Nga	11/26/1985	Phương Quất	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trạc Đức Chiến, sinh ngày 25/6/2019	1,0	#VALUE!
690	Nguyễn Thị Sửu	1/1/1944	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Khắc Nuôi, sinh ngày: 09/9/1969	1,0	#VALUE!
691	Nguyễn Tá Phảng	20/10/1985	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tá Nhất, sinh ngày: 01/8/2008	1,0	#VALUE!
692	Nguyễn Tá Ý	13/7/1940	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tá Ưu, sinh ngày: 06/10/1978	1.0	700,000
693	Nguyễn Thị Hay	20/01/1921	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hay, sinh năm: 1921	1.0	700,000
694	Phạm Văn Thước	1/1/1973	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Gia Bảo, sinh ngày: 24/4/2018	1.0	700,000
695	Trần Xuân Nha	17/4/1969	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Anh Tuấn, sinh ngày: 06/01/2006	1,0	#VALUE!
696	Nguyễn Ngọc Trung	26/8/1997	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Thị Mái, sinh ngày: 17/8/1975	1.0	700,000
697	Nguyễn Thị Lơi	27/08/1955	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lơi, sinh ngày 27/8/1955	1.0	700,000
698	Nguyễn Thị Chiển	01/01/1977	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Xuân Thiết, sinh ngày 01/01/1971	1.0	700,000
699	Nguyễn Đào Mợi	1/1/1938	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Đua	1.0	700,000
700	Nguyễn Thị Lý	2/5/1961	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thu Hương, sinh ngày 08/09/2004	1.0	700,000
701	Nguyễn Tá Sạn	11/29/1973	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hiên, sinh ngày 12/8/1942	1.0	700,000
702	Nguyễn Ngọc Đề	1/1/1935	Đông Phong	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Cài, sinh năm: 1935	1.0	700,000
703	Nguyễn Ngọc Biên	1/14/1949	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Khá, sinh ngày 20/7/1924	1.0	700,000
704	Nguyễn Thị Kim	20/8/1960	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Trưng, sinh ngày 01/01/1936	1.0	700,000
705	Nguyễn Thị Thanh	01/01/1940	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Thanh (sinh ngày: 01/01/1940)	1.0	700,000
706	Trịnh Văn Thắng	21/01/1976	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Trịnh Văn Huy (sinh ngày: 17/9/2000)	1.0	700,000
707	Nguyễn Thị Ngót	3/3/1964	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Đề, sinh ngày 01/01/1935	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
708	Trương Thị Nhi	28/12/1975	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Tá Muông (sinh ngày: 05/01/1972)	1,0	#VALUE!
709	Nguyễn Ngọc Cự	24/3/1957	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Ngọc Cự (sinh ngày: 24/3/1957)	1,0	#VALUE!
710	Nguyễn Thị Nơ	12/10/1956	Đông Phong	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Nơ (sinh ngày: 12/10/1956)	1	700,000
711	Lê Văn Lan	01/01/1942	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Gém, sinh ngày 01/01/1951	1.0	700,000
712	Khương Thị Hải	1/1/1958	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Khương Thị Hải (sinh năm: 1958)	1.0	700,000
713	Lê Văn Tùng	06/5/1974	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Mai (sinh ngày: 20/12/1998)	1,0	#VALUE!
714	Lê Văn Dị	08/4/1967	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Tuyết (sinh ngày: 15/10/1992)	1,0	#VALUE!
715	Nguyễn Sách Soái	09/12/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Thuần (sinh năm: 1980)	1.0	700,000
716	Nguyễn Kim Đa	21/4/1958	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Kim Tần (sinh ngày: 06/12/1989)	1,0	#VALUE!
717	Nguyễn Văn Gộc	07/9/1952	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hương (sinh năm: 1977)	1.0	700,000
718	Nguyễn Thị Lai	1/4/1937	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lai (sinh năm: 1937)	1.0	700,000
719	Đỗ Thị Vân	15/11/1978	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nhỡ (sinh năm: 1949)	1,0	#VALUE!
720	Khương Thị Hoà	25/02/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Quỳnh Anh (sinh ngày: 18/10/2004)	1,0	#VALUE!
721	Nguyễn Thị Tuyến	15/12/1962	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Tuyến (sinh ngày: 15/12/1962)	1.0	700,000
722	Nguyễn Tất Hùng	10/6/1971	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thảo (sinh ngày: 02/4/1996)	1,0	#VALUE!
723	Vũ Thị Duyên	08/5/1986	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Vũ Hoàng Minh (sinh ngày: 01/11/2010)	1,0	#VALUE!
724	Nguyễn Tất Tháp	01/01/1965	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Trường Giang	1.0	700,000
725	Lê Thị Thêm	9/10/1976	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Thêm	1.0	700,000
726	Nguyễn Hanh Nhượng	2/12/1957	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Ngả, sinh ngày 01/01/1922	1.0	700,000
727	Nguyễn Thị Tuyết	1/1/1974	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Bích, sinh năm 1934	1.0	700,000
728	Nguyễn Thị Giỏi	5/4/1949	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Giỏi, sinh ngày 04/5/1949	1.0	700,000
729	Nguyễn Ngọc Tạo	8/19/1970	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Thước, sinh năm 1934	1.0	700,000
730	Nguyễn Quang Lý	4/6/1973	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Tẻo, sinh ngày 01/01/1938	1.0	700,000
731	Nguyễn Tất Đông	5/13/1931	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tất Đông, sinh ngày 13/5/1931	1.0	700,000
732	Nguyễn Tất Oánh	8/12/1965	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chấn, sinh ngày 12/5/1935	1.0	700,000
733	Nguyễn Thị Chắn	1/1/1938	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chắn, sinh ngày 01/01/1938	1.0	700,000
734	Nguyễn Thị Vơn	10/2/1931	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Vơn, sinh ngày 02/10/1931	1.0	700,000
735	Phạm Thị Châm	1/1/1970	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đặng Bá Lục, sinh ngày 01/01/1965	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
736	Nguyễn Kim Diệm	4/1/1956	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Kiêm Diệm, sinh ngày 01/4/1956	1.0	700,000
737	Lê Thị Nhã	1/1/1933	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Nhã, sinh năm 1933	1.0	700,000
738	Nguyễn Thị Lâm	10/10/1949	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Tiến Nhật (sinh ngày: 01/01/1948)	1.0	700,000
739	Nguyễn Đình Giáp	1/1/1984	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Minh, sinh ngày 01/01/1940	1.0	700,000
740	Nguyễn Thị Vang	01/01/1945	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Vang (sinh ngày: 01/01/1945)	1,0	#VALUE!
741	Nguyễn Thị Đến	01/01/1939	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Đến (sinh ngày: 01/01/1939)	1,0	#VALUE!
742	Lê Thị Thuân	01/01/1963	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Văn Thân (sinh ngày: 01/01/1961)	1,0	#VALUE!
743	Nguyễn Thị Thuông	01/01/1924	Thượng Hải	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Thuông (sinh ngày: 01/01/1924)	1	700,000
744	Nguyễn Sách Út	8/7/1979	Thượng Hải	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Biển, sinh năm 1934	1	700,000
745	Nguyễn Thị Nương	10/27/1958	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nương	1.0	700,000
746	Nguyễn Văn Quân	07/10/1982	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Phương Nga, sinh ngày 23/8/1995	1.0	700,000
747	Nguyễn Văn Dùng	20/02/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Dùng (sinh ngày: 20/02/1948)	1.0	700,000
748	Nguyễn Văn Phấn	11/7/1965	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phấn (sinh ngày: 11/7/1965)	1.0	700,000
749	Nguyễn Thị Mãi	1/1/1927	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Mãi, sinh năm 1927	1.0	700,000
750	Nguyễn Thị Chi	26/10/1975	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Hồng Nhật (sinh ngày: 09/02/2005)	1.0	700,000
751	Nguyễn Văn Bình	12/01/1963	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Bình (sinh ngày: 12/01/1963)	1.0	700,000
752	Nguyễn Văn Nhật	26/9/1971	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Trần Thị Ngàn (sinh ngày: 01/01/1931)	1.0	700,000
753	Nguyễn Thị Hoạt	1/1/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hoạt, sinh ngày 01/01/1949	1.0	700,000
754	Nguyễn Thị Lâm	1/1/1934	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lâm, sinh ngày 01/01/1934	1.0	700,000
755	Nguyễn Sơn Lam	9/13/1950	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Sơn Lam, sinh ngày 13/9/1950	1.0	700,000
756	Phạm Huy Đường	2/15/1942	Xuân Nẻo	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Huy Đường, sinh ngày 15/02/1942	1.0	700,000
757	Nguyễn Văn Tình	11/18/1982	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Hà My, sinh ngày 11/9/2021	1.0	700,000
758	Nguyễn Đức Ninh	1/1/1970	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Đức Ninh, sinh ngày 01/01/1970	1.0	700,000
759	Nguyễn Thị Khánh	3/17/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Phần, sinh ngày 25/10/1942	1.0	700,000
760	Nguyễn Thị Đạm	15/01/1935	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Nguyễn Thị Đạm (sinh ngày: 15/01/1935))	1,0	#VALUE!
761	Nguyễn Thị Kỹ	03/10/1927	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Nguyễn Thị Kỹ (sinh ngày: 03/10/1927))	1,0	#VALUE!
762	Nguyễn Đức Cương	24/8/1971	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Nguyễn Thị Luyện (sinh ngày: 01/01/1936))	1,0	#VALUE!
763	Phạm Thị Thử	01/01/1930	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Phạm Thị Thử (sinh ngày: 01/01/1930))	1,0	#VALUE!

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
764	Trần Văn Hoan	20/01/1956	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng (Trần Văn Khương (sinh ngày: 31/01/1967))	1,0	#VALUE!
765	Đoàn Thị Cảng	1/1/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đoàn Thị Cảng, sinh ngày 01/01/1949	1.0	700,000
766	Phạm Thị Hở	7/1/1938	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Hở, sinh ngày 01/07/1938	1.0	700,000
767	Nguyễn Thị Chín	1/1/1948	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chín, sinh ngày 01/01/1948	1.0	700,000
768	Bùi Thị Mấm	01/02/1934	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Bùi Thị Mấm (sinh ngày: 01/02/1934)	1,0	#VALUE!
769	Đoàn Thị Đỡ	16/10/1949	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Đoàn Thị Đỡ (sinh ngày: 16/10/1949)	1,0	#VALUE!
770	Nguyễn Thị Tít	01/01/1934	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Tít (sinh ngày: 01/01/1934)	1,0	#VALUE!
771	Nguyễn Thị Yến	01/01/1938	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Yến (sinh ngày: 01/01/1938)	1,0	#VALUE!
772	Trịnh Thị Hý	27/01/1938	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Trịnh Thị Hý (sinh ngày: 27/01/1938)	1	700,000
773	Nguyễn Thị Tỵ	01/01/1940	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Tỵ(sinh ngày: 01/01/1940)	1	700,000
774	Trần Thị Chín	2/24/1964	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Phạm Văn Quỳ(sinh ngày: 05/5/1964)	1	700,000
775	Trần Văn Nga	01/10/1928	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Trần Văn Nga (sinh ngày: 01/10/1928)	1	700,000
776	Phạm Thị Mẫn	17/07/1933	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Mẫn, sinh ngày 17/7/1933	1.0	700,000
777	Nguyễn Thị Cót	01/01/1933	Xuân Nẻo	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Cót, sinh ngày 01/01/1933	1.0	700,000
778	Phạm Văn Tầm	03/10/1961	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Phạm Viết Tuấn Anh (sinh ngày: 05/3/2007)	1,0	#VALUE!
779	Bùi Thị Vinh	5/22/1957	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Vân, sinh ngày 23/01/1978	1.0	700,000
780	Nguyễn Thị Hiệc	1/1/1936	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Hiệc, sinh ngày 01/01/1936	1.0	700,000
781	Phạm Văn Lơn	10/3/1934	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng Nguyễn Thị Mấm (sinh ngày: 10/02/1942))	1,0	#VALUE!
782	Nguyễn Thị Ca	1/1/1940	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Ca (sinh năm: 1940)	1.0	700,000
783	Nguyễn Văn Hà	10/11/1981	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hà (sinh ngày: 10/11/1981)	1.0	700,000
784	Nguyễn Văn Hải	23/3/1972	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hải (sinh ngày: 23/3/1972)	1.0	700,000
785	Phạm Thị Ba	30/7/1993	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Tường Vy (sinh ngày: 21/5/2015)	1.0	700,000
786	Phạm Văn Thú	08/10/1956	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Thú (sinh ngày: 08/10/1956)	1.0	700,000
787	Phạm Thị Lanh	3/4/1937	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Tiễu	1.0	700,000
788	Nguyễn Thị Tuyết	10/21/1987	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Xuân Dương	1.0	700,000
789	Nguyễn Thị Nhàn	24/10/1936	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nhàn	1.0	700,000
790	Nguyễn Thị Dỗ	1/1/1946	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Dỗ, sinh năm 1946	1.0	700,000
791	Phạm Thị Quắt	11/26/1952	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Quắt, sinh ngày 26/11/1952	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
792	Nguyễn Văn Thành	6/3/1977	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Thành, sinh ngày 03/6/1977	1.0	700,000
793	Phạm Thị Loan	1/1/1932	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Loan, sinh ngày 01/01/1932	1.0	700,000
794	Nguyễn Thị Doan	12/10/1962	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Doan, sinh ngày 10/12/1962	1.0	700,000
795	Phạm Thị Hìu	08/4/1962	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tuấn Việt (sinh ngày: 15/11/2002)	1.0	700,000
796	Nguyễn Văn Bình	14/8/1968	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Duy (sinh ngày: 21/02/2004)	1.0	700,000
797	Nguyễn Văn Đón	13/12/1963	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Sang (sinh ngày: 09/8/1989)	1.0	700,000
798	Phạm Thị Xịn	12/11/1934	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Xịn (sinh ngày: 11/12/1934)	1.0	700,000
799	Phạm Thị Hay	01/01/1957	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vũ Văn Thất (sinh ngày: 01/01/1959)	1.0	700,000
800	Phạm Văn Thoán	15/6/1930	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Thoán, sinh ngày 15/6/1930	1.0	700,000
801	Nguyễn Thị La	2/2/1952	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị La, sinh ngày 02/02/1952	1.0	700,000
802	Nguyễn Văn Mưu	1/1/1940	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Lắm, sinh ngày 01/01/1940	1.0	700,000
803	Phạm Văn Thắng	3/26/1959	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Văn Thắng, sinh ngày 26/3/1959	1.0	700,000
804	Nguyễn Văn Kiên	3/2/1982	Lạc Dục	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Huê, sinh ngày 02/9/1947	1.0	700,000
805	Nguyễn Thị Dấn	01/01/1931	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Dấn, sinh ngày: 01/01/1931	1,0	#VALUE!
806	Nguyễn Thị Na	26/8/1944	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Na, sinh ngày: 26/8/1944	1,0	#VALUE!
807	Nguyễn Thị Hoa	05/05/1986	Lạc Dục	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Hoa, sinh ngày: 05/05/1986	1.0	700,000
808	Nguyễn Văn Trường	27/10/1969	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Huệ (sinh năm: 1943)	1.0	700,000
809	Nguyễn Đức Hùng	02/03/1966	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Đặng Thị Phan, sinh năm 1930	1.0	700,000
810	Trần Thị Nhiệm	1/1/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Kiểng, sinh ngày 02/02/1944	1.0	700,000
811	Nguyễn Văn Thôn	01/7/1948	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Ngọc Anh (sinh ngày: 03/02/1975)	1.0	700,000
812	Nguyễn Thị Nguyện	18/4/1950	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Tiến Thương (sinh ngày: 07/7/1979)	1.0	700,000
813	Nguyễn Văn Chữ	1/1/1944	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Chữ (sinh năm: 1944)	1.0	700,000
814	Nguyễn Văn Hồng	20/8/1953	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Văn Hồng (sinh ngày: 20/8/1953)	1.0	700,000
815	Nguyễn Thanh Chiên	05/08/1960	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thành Long, sinh ngày 21/8/1996	1.0	700,000
816	Lê Thị Làn	1/1/1947	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Lê Thị Làn, sinh ngày 01/01/1947	1.0	700,000
817	Nguyễn Thanh Tuấn	4/23/1958	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Nga, sinh ngày 01/01/1960	1.0	700,000
818	Nguyễn Thị Điều	4/12/1950	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Điều, sinh ngày 12/4/1950	1.0	700,000
819	Vương Đình Thời	4/28/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Vương Đình Thêm, sinh ngày 18/4/1965	1.0	700,000

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp
820	Nguyễn Thị Sáng	01/01/1931	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Sáng (sinh ngày: 01/01/1931)	1,0	#VALUE!
821	Nguyễn Thị Vui	1/1/1954	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Nguyễn Thị Vui (sinh ngày: 01/01/1954)	1,0	#VALUE!
822	Nguyễn Hinh	9/24/1940	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Nguyễn Thị Chuyển, sinh ngày 01/01/1950	1.0	700,000
823	Nguyễn Thị Nguyệt	02/06/1968	Ô Mễ	Hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người KTĐBN: Phạm Thị Công, sinh ngày 01/01/1934	1,0	#VALUE!
Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi						**#VALUE!**
824	Nguyễn Văn Hưng	01/01/1983	Liêu Xá	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối với người khuyết tật nặng đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (Nguyễn Phương Thảo, sinh ngày: 06/12/2025)	1,5	#VALUE!
						#VALUE!

Số tiền bằng chữ: **Chín trăm tám mươi mốt triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng**

Đại Sơn, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Người lập

Phạm Thị Xuyến

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. ĐẠI SƠN - T.P HẢI PHÒNG

Phạm Quang Hưng

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

STT	Họ và tên người hưởng trợ cấp	Ngày sinh	Thôn	Loại đối tượng	Hệ số	Mức trợ cấp

#VALUE!